

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/DS-PT

Ngày: 17/8/2023

V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S; có mặt

Cư trú tại: Thôn Vinh Quang 1, xã PS, huyện TP, tỉnh BD.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Sưu: Luật sư Nguyễn Thê V hoạt động tại Công ty Luật TNHH MTV NL; địa chỉ: 55 HBT, TP. QN, tỉnh BD; có mặt.

- Bị đơn: 1. Ông Lê Quốc Th; có mặt.

2. Ông Lê Quốc H.

Cùng cư trú tại: Thôn TL, xã PH, huyện TP, tỉnh BD.

Đại diện hợp pháp của ông Lê Quốc H: Ông Lê Quốc Th là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đỗ Ngọc Th1; có mặt.

+ Bà Trần Như Như T1; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của bà Tàu : Ông Đỗ Ngọc Th là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2020); có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:*

Ông Lê Đình T1, sinh năm 1954; có mặt

Cư trú tại: Thôn TL, xã PH, huyện TP, tỉnh BĐ.

+ Bà Đỗ Thị Đức H (sinh 1970, chết ngày 16/12/2019).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hạnh:

+ Anh Nguyễn Văn L; vắng mặt.

+ Bà Phan Thị M; vắng mặt.

Cùng cư trú tại : Thôn TA, xã MQ, huyện PM, tỉnh BĐ.

+ Cháu Lê Trần Quốc Th, sinh 23/8/2006,

+ Cháu Lê Trần Quốc Đ, sinh ngày 27/8/2008

Đại diện theo pháp luật của cháu Thịnh và cháu Đạt : Ông Lê Quốc Th, sinh năm 1968 (cha ruột).

Cùng cư trú: Thôn TL, xã PH, huyện TP, tỉnh BĐ.

+ Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TP, tỉnh BĐ.

Địa chỉ: Thôn GB, xã PH, huyện TP, tỉnh BĐ.

Đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Mỹ D; chức vụ: Chủ tịch UBND là đại diện theo pháp luật; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị S là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày:

Cha bà là Lê C và mẹ bà là Lâm Thị Th2, mẹ bà chết lúc bà mới 4 tuổi, còn

cha bà chết năm 1972. Cha mẹ bà có 04 người con gồm: Lê Văn Ng, Lê Đình T1, Lê Văn K (chết lúc 15 tuổi) và bà. Cha mẹ bà chết để lại di sản gồm phần đất của Lê Văn Ng hiện do Lê Quốc Th và Lê Quốc H đang quản lý có số thửa 777, tờ bản đồ số 6, có diện tích 1812m², nhà đất của ông Lê Đình T có diện tích 857m², thửa đất trước mặt nhà ông T có diện tích 200m², ruộng tất cả đều tọa lạc Thôn TL, xã PH và vàng. Nhưng đến năm 1973 thì anh em bà đã chia theo di ngôn của cha mẹ để lại cụ thể chia thửa đất mà hiện nay có số thửa 777, tờ bản đồ số 6, có diện tích 1812m² cho vợ chồng ông Lê Văn Ng và Trần Thị Ngọc D1, chia nhà và đất có diện tích 857m² ông Lê Đình T, thửa đất phía trước nhà 200m² cho ông Lê Đình T để cúng giỗ ông Lê Văn K, phần ruộng thì mỗi người trong đó có bà đều được chia bằng nhau, ngoài ra bà còn được nhận vàng. Sau đó số ruộng được chia cho mỗi người đã vào HTX sau giải phóng, phần đất hương hỏa 1812m² do vợ chồng ông Ng sử dụng, phần đất phía trước nhà anh T đã bán, phần nhà đất 857m² hiện nay vợ chồng ông T đang sử dụng và kê khai đăng ký. Đến ngày 15/12/1992, ba anh em bà đã xác lập văn bản phân chia đất hương hỏa của cha mẹ chết để lại, mà trước đây đã phân chia cho ông Ng, theo đó bà được chia 400m² đất ở thuộc phía giữa lô đất, ông T phía đông 400m², còn ông Ng ở phía tây 800m², thỏa thuận này có hiệu lực khi nào bán mới chia. Đến năm 1993 bà và ông T có yêu cầu ông Ng chia đất nhưng ông Ng không đồng ý mà ông Ng nói để ông canh tác nuôi bản thân. Nay anh trai bà là Lê Văn Ng đã chết, cháu bà là Lê Quốc H và Lê Quốc Th bán 01 phần thửa đất cho Đỗ Ngọc Th, nên bà yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo văn bản phân chia đất hương hỏa nói trên. Đối với phần đất mà ông Th và ông H đã bán cho ông Th1, bà T1, bà không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Lê Quốc Th, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn ông Lê Quốc H trình bày:

Ông thống nhất về quan hệ gia đình như bà S trình bày, cha ông là Lê Văn Ng, mẹ ông là Trần Thị Ngọc D (chết năm 2006), cha mẹ ông có 02 người con là ông và ông Lê Quốc H, cha mẹ ông không có con riêng con nuôi nào khác. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà S thì từ năm 1973 toàn bộ di sản ông nội của ông chết để lại thì cha ông và các cô chú của ông đã có văn bản thuận phân về tài sản ngày 26/10/1973 và đã được chính quyền chứng thực ngày 10/11/1973, theo đó cha ông được giao phần đất, chú ông được giao nhà và đất như hiện nay ông Lê Đình T đang sử dụng, còn cô ông được giao một phần đất phía trước nhà của ông T. Ngoài ra cô chú và ba ông đều được chia ruộng. Nay bà S, yêu cầu chia di sản theo văn bản thuận phân đất hương hỏa, ngày 15/10/1992 thì ông không đồng ý, vì văn bản thuận phân về tài sản ngày 26/10/1973 đã được chính quyền chứng thực ngày 10/11/1973 có cả chữ ký của cha mẹ ông, bà Lê Thị S và ông Lê Đình T nên nó có giá trị tuyệt đối. Như vậy, phần di sản của ông bà nội là thửa đất số 777, tờ bản đồ số 6 diện tích 1812,2m² tọa lạc ở Thôn TL, xã PH, huyện TP, tỉnh BD, đã được

phân chia cho ba mẹ ông. Đến năm 1993, gia đình ông được nhà nước cân đối giao quyền nên cha ông đã đứng tên kê khai đăng ký sử dụng và được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đất đã thuộc quyền sở dụng của gia đình ông. Ngoài ra khi nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất năm 1993, thì mỗi nhân khẩu được nhận khoảng 500m² đất ruộng, nhưng tại thời điểm nhà nước giao ruộng hộ ba ông có ông H là 02 nhân khẩu nhưng chỉ được nhận 522m² đất ruộng, như vậy phần còn lại theo ông đã trừ vào đất vườn thừa vào thửa 777, tờ bản đồ số 6. Nay ba mẹ ông mất thì anh em ông có toàn quyền sử dụng. Còn Giấy phân chia đất hương hỏa mà bà S và ông T cung cấp là do ba ông viết và ký ngày 15/12/1992, văn bản này khi xác lập thì mẹ ông là Trần Thị Ngọc D vẫn còn sống và các anh em ông vẫn ở chung cùng nhà, nhưng mẹ và các anh em ông lại hoàn toàn không biết và không có ký vào giấy phân chia này, nên ông có đơn yêu cầu Tòa tuyên bố giấy này không hợp pháp. Hơn nữa, sau khi cha chết đến ngày 26/6/2018 thì ông và ông H đã xác lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và đã được UBND huyện Tuy Phước cấp giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở ngày 10/12/2018 cho anh em ông. Quá trình sử dụng ông đã đổ đất lấp ao hơn 100m², xây dựng tường rào cổng ngõ. Đến cuối năm 2018 anh em ông đã chuyển nhượng một phần diện tích cho vợ chồng Đ Ngọc Th1 sử dụng. Di sản ông bà anh để lại đã có trong di ngôn, ông không tranh chấp bất kỳ tài sản nào khác kể cả của ông T, bà S, ông chỉ bảo vệ tài sản của cha mẹ để lại. Trường hợp Tòa chia thừa kế thì tính công sức sang lập của vợ chồng ông. Đối với yêu cầu của ông Lê Đình T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và anh H với vợ chồng ông Th1 thì ông không đồng ý, vì việc chuyển nhượng QSDĐ là hợp pháp. Trường hợp Tòa hủy hợp đồng này thì đề nghị giải quyết theo pháp luật. Ông Lê Quốc H thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông.

Đại diện theo ủy quyền, đồng thời là đại diện theo pháp luật của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Đức H là Anh Nguyễn Văn L, bà Phan Thị M, cháu Lê Trần Quốc Th2, cháu Lê Trần Quốc Đ là ông Lê Quốc Th trình bày: Bà H là vợ ông Th, hiện nay bà H chết, có con riêng là Nguyễn Văn L, có mẹ ruột là Phan Thị M, còn cha bà H chết từ lâu và hai con trai Lê Trần Quốc Th, Lê Trần Quốc Đ. Bà H và ông Thanh có xây dựng nhà, đổ đất lấp ao. Còn phần giải quyết tranh chấp thì tất cả những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H thống nhất theo ý kiến của ông Th, họ không tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Đình T trình bày:

Ông thống nhất quan hệ gia đình như bà S trình bày. Di sản cha mẹ ông để lại có thửa đất trước đây do ông Ng quản lý nay là ông Thanh và ông H quản lý, nhà và đất của ông đang quản lý và ruộng. Đến năm 1973 sau khi cha mẹ chết thì anh em ông đã có phân chia rõ ràng theo di ngôn, phần vợ chồng ông Lê Văn Ng giữ phần đất hương hỏa để thờ cúng, phần ông được ông Ng giao mảnh đất sâu có nhà và 01 đám đất phía trước khoảng 200m² cho ông thờ cúng anh ông là Lê Văn K, còn em gái ông là bà S, ông và ông Ng đều được chia ruộng. Di ngôn cha ông để lại năm 1973 đã phân chia ông và bà S đều không có ý kiến gì. Sau đó ông đã bán phần thửa đất phía trước nhà, phần nhà đất mà cha mẹ di ngôn để lại thì ông vẫn đang sử dụng cho đến nay. Đến ngày 15/12/1992, ông Ng, ông và bà S đã xác lập giấy phân chia đất hương hỏa của cha mẹ để lại đối với phần đất mà ông Ng được hưởng theo đó ông Ng đã tự chia cho ông 400m² đất ở phía đông khu đất. Vì đây là phần đất hương hỏa của cha mẹ để lại cho ông Ng và anh ông tự chia cho các em, nên không đưa vợ con của anh em ông vào bản thuận phân, và kèm theo điều kiện sau này bán mới chia. Sau đó đến năm 1993, ông và bà S có yêu cầu ông Ng chia đất để cho ông và bà S đứng tên kê khai theo chính sách đất đai và cũng để ông Ng nhận ruộng nhưng ông Ng không đồng ý chia, mà ông Ng nói khi nào bán mới được chia, để lại cho ông Ng canh tác. Nay ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo giấy phân chia đất hương hỏa mà ông Ng đã chia ngày 15/12/1992, đồng thời ông yêu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Thanh, ông H và vợ chồng ông Th1 để chia phần đất đó cho ông theo giấy phân chia hương hỏa ngày 15/10/1992. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Ngọc Th1, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Như Như T1 trình bày:

Vợ chồng ông mua đất của ông Lê Quốc H và ông Lê Quốc Th với diện tích 241,3m² trong đó 50m² đất ở và 191,3m² đất trồng cây hàng năm khác vào ngày 28/02/2019, giá tiền 300.000.000đ, nhưng trong hợp đồng thì chỉ ghi 20.000.000đ. Đến ngày 20/3/2019 thì chỉnh lý tách thửa và đã chuyển mục đích thành toàn bộ đất ở 241,3m² đất ở vào ngày 25/6/2019. Nay bà S và ông Tân tranh chấp chia di sản thừa kế với ông Th và ông H, ông không đồng ý trả lại đất và cũng không đồng ý hủy Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ. Vì đất này ông mua là hợp pháp có giấy tờ hợp lệ, nguồn gốc rõ ràng. Nếu trường hợp Tòa hủy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ này thì ông yêu cầu ai nhận đất phải trả lại cho vợ chồng ông bằng một thửa đất khác tương đương với thửa đất ở của ông hiện nay bằng diện tích đất ở 241,3m² mà ông đã chuyển mục đích. Còn phần tương rào ai nhận thì phải trả lại giá trị cho ông. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Th1 cho rằng nếu Tòa hủy hợp đồng thì buộc ông Th, ông H phải bồi thường theo giá thị trường là 2.400.000.000 đồng.

Đại diện theo pháp luật của UBND xã PH, bà Trần Thị Mỹ D trình bày:

Ngày 28/02/2019 UBND xã PH chứng thực Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc Th, ông Lê Quốc H với vợ chồng ông Đỗ Ngọc Th1, bà Trần Như Như T1. Tại thời điểm chứng thực các bên cung cấp đầy đủ giấy tờ, đảm bảo đúng quy định, các bên ký kết hợp đồng đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện đúng theo thỏa thuận. Do đó ông Lê Đình T yêu cầu hủy hợp đồng này thì UBND xã không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Sửu và ông T về việc yêu cầu chia di sản của cha mẹ theo bản phân chia đất hương hỏa do ông Ng lập ngày 15/12/1992.

Tuyên bố bản phân chia đất hương hỏa do ông Lê Văn Ng lập ngày 15/12/1992 là vô hiệu.

Bác yêu cầu của ông Lê Đình T về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc Th, ông Lê Quốc H với vợ chồng ông Đỗ Ngọc Th1 và bà Trần Như Như T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, bà Lê Thị S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, chia thừa kế theo giấy thuận phân đất hương hỏa ngày 15/10/1992.

Luật sư Nguyễn Thế V trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị S và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận một phần kháng cáo của bà S. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chia cho bà Sửu khoảng 100m²-200m² đất để bà S có nơi ở ổn định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Thị S HĐXX thấy rằng:

[1.1] Theo Tờ thuận phân tài sản năm 1973 thì vợ chồng ông Ng, bà D được chia 1812,2m² đất hương hỏa, ông T được chia nhà đất diện tích 857m² và 01 thửa đất 200m² phía trước nhà ông T, bà S được chia ruộng và vàng, ông Ng, ông T đều được chia ruộng. Từ đó cho đến sau này thì bà S, ông T, ông Ng không có ý kiến gì

về bản thuận phân cũng như việc phân chia tài sản của cha mẹ. Sau đó ông T đã bán thửa đất trước nhà, còn ruộng thì các bên đều được nhận nhưng đã vào hợp tác xã. Do đó, cấp sơ thẩm xác định di sản của vợ chồng cụ C và cụ Th2 đã được ông Ngọc, ông Tân và bà Sửu thực hiện theo di ngôn và đã thỏa thuận phân chia xong nên hiện nay di sản của cụ C, cụ Th2 không còn là có cơ sở.

[1.2] Thời điểm ông Ng được nhận thửa đất có diện tích 1812m² là vào năm 1973 nên theo quy định tại Điều 15 Luật hôn nhân năm 1959, thì tài sản này là tài sản chung của vợ chồng ông Ng và bà Trần Thị Ngọc D. Ngày 15/12/1992, ông Ng tự lập Giấy phân chia đất hương hỏa định đoạt tài sản chung của vợ chồng, không có sự bàn bạc, nhất trí của bà D là vi phạm điều cấm của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Mặt khác, sau thời điểm ngày 15/12/1992, ông Ng đại diện hộ gia đình đăng ký, kê khai và đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa đất nêu trên, điều này đồng nghĩa với việc ngoài 200m² đất ở, còn lại vườn 1612m² đất vườn của vợ chồng ông Ng đã được đưa vào hợp tác xã và đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng cho hộ gia đình ông Ng. Hơn nữa, bà S, ông T đều khai vào năm 1993 ông T, bà S đã yêu cầu ông Ng chia đất theo Giấy phân chia đất hương hỏa để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất, nhưng ông Ng không đồng ý, điều đó chứng tỏ ông Ng đã thay đổi ý chí không đồng ý phân chia tài sản nữa. Do đó, cấp sơ thẩm tuyên bố Giấy phân chia đất hương hỏa ngày 15/12/1992 vô hiệu là có căn cứ.

[2] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy di sản thừa kế của vợ chồng cụ C, cụ Th2 không còn, Giấy phân chia đất hương hỏa ngày 15/12/1992 do ông Ng lập bị vô hiệu. Do đó, kháng cáo của bà Lê Thị S là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị S được miễn án phí.

[5] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S của Luật sư là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 131,136 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 117,122, 611, 612, 613 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 131/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BD.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S và ông Lê Đình T về việc yêu cầu chia di sản của cha mẹ theo Giấy phân chia đất hương hỏa do ông Lê Văn Ng lập ngày 15/12/1992.

2. Tuyên bố Giấy phân chia đất hương hỏa do ông Lê Văn Ng lập ngày 15/12/1992 là vô hiệu.

3. Bác yêu cầu của ông Lê Đình T về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Quốc Th, ông Lê Quốc H với vợ chồng ông Đỗ Ngọc Th1 và bà Trần Như Như T1.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Lê Thị S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0002837 ngày 19/3/ 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh BD.

- Hoàn trả cho ông Lê Quốc Kh 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0005899 ngày 08/10/ 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Bình Định.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị S được miễn.

5.3 Chi phí tố tụng khác: Ông Lê Đình T phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đỗ Ngọc Th1 3.000.000 đồng chi phí định giá tài sản.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện TP;
- CCTHADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng

Đỗ Thị Thắm

Võ Công Phương

Ngày 15/12/1992, ông Ngọc lập Văn bản thuận phân chia hương hỏa, nhưng chỉ có một mình ông Ngọc ký tên. Tuy nhiên,

Theo di ngôn 1973 thì ông Ngọc được nhận di sản là thửa đất 1812m² nên là tài sản của ông Ngọc. Thời điểm ngày 15/12/1992, các bên thỏa thuận, hôn nhân giữa ông Ngọc và bà Trần Thị Ngọc Dung đang tồn tại nên di sản ông Ngọc nhận là tài sản chung của vợ chồng ông Ngọc, bà Dung theo quy định Điều 15 Luật hôn nhân năm 1959. Trong khi đó, Văn bản thuận phân chia hương hỏa do ông Lê Văn Ngọc lập ngày 15/12/1992 chỉ có ông Ngọc ký nên vô hiệu theo quy định tại Điều 131,136 BLDS năm 1995 tương đương Điều 117, 122 BLDS năm 2015. Mặt khác,

sau thời điểm ngày 15/12/1992, ông Lê Văn Ngọc đã kê khai và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này. Trong khi đó bà Sửu, ông Tân đều khai vào năm 1993, ông Tân, bà Sửu đã yêu cầu ông Ngọc chia theo bản thỏa thuận để kê khai nhưng ông Ngọc không đồng ý.

[1] Mà tại thời điểm giao quyền sử dụng đất năm 1993, mỗi nhân khẩu được nhận 500m^2 đất ruộng, gia đình ông Ngọc có hai nhân khẩu, mà thực tế chỉ nhận được 522m^2 đất ruộng. Hiện nay UBND xã Phước Hiệp, Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện Tuy Phước đều không cung cấp được đề án giao quyền năm 1993 của xã Phước Hiệp. Như vậy có thể suy luận là nhà nước chỉ cấp ruộng cho 01 nhân khẩu còn phần còn lại trừ vào đất vườn thừa mà ông Ngọc đang quản lý, 01 nhân khẩu còn lại 1 sào đất ruộng bằng 3 sào vườn là 1500m^2 . Như vậy di sản của cha mẹ bà Sửu để lại đã chia cho hộ ông Ngọc sử dụng và hộ ông Ngọc đã bị trừ vào đất vườn thừa.

Bà Sửu, ông Tân, anh Thanh và anh Hưng thống nhất di sản ông Cự, bà Thừa để lại gồm: Thửa đất do ông Lê Văn Ngọc có diện tích $1812,2\text{m}^2$ hiện do Lê Quốc Hưng và Lê Quốc Thanh, Đỗ Ngọc Thân đang quản lý; nhà đất do Lê Đình Tân đang quản lý có diện tích 857m^2 , và 200m^2 thuộc thửa đất đối diện nhà ông Tân, ruộng và vàng.

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Xuân Hải

Nguyễn Thanh Tuấn

Võ Thị Hồng Thu

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
NAM
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu, sinh năm: 1992. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân An, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, Bình Định.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh Việt, sinh năm: 1989. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân An, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, Bình Định.

Người kháng cáo: Anh Lê Thanh Việt là bị đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3

1. Chị Nguyễn Thị Diệu được ly hôn anh Lê Thanh Việt.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về án phí: Anh Lê Thanh Việt phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011509 ngày 15/6/ 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hải

Nguyễn Thanh Tuấn

Võ Thị Hồng Thu